TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 819/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v ly hôn giữa bà Nhi, ông Lễ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Thanh Nga

2/ Ông Phan Chí Tâm

- Thư ký Toà án phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 577/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST - HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

HKTT: Phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/9/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2006. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng khoảng thời gian từ hơn 6 năm trở lại đây, giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống. Ông L thường xuyên không về nhà. Vợ chồng đã ly thân gần 6 năm nay và ông L cũng không cấp dưỡng, thăm nom, hỏi han gì đến các con. Cuộc sống hôn nhân của bà không còn hạnh phúc, ngày càng trầm trọng không thể cứu vãn. Vì vậy bà xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 30/4/2006 (nam) và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17/07/2007 (nữ). Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi các con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Lễ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông L nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an Phường 8, quận Phú Nhuận thì ông L có địa chỉ thường trú tại Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay ông Lễ không còn cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Do bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2006, ngày gày 22/9/2006 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Ngọc L là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải quan tâm chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông L không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục, dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế bà N và ông L đã ly thân, ông L không quan tâm, thăm nom, chăm sóc các con chung cũng như không chia sẻ cuộc sống với vợ. Do đó yêu cầu của bà N được ly hôn ông L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 30/4/2006 (nam) và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17/07/2007 (nữ). Hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai trẻ, nguyện vọng của hai trẻ Nguyễn Thịnh P và Nguyễn Ngọc Anh T cũng đều muốn được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, do đó yêu cầu tiếp tục giao các con chung cho bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Giao 02 trẻ tên Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 30/4/2006 (nam) và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17/07/2007 (nữ) cho bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 *(*ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nhi đã nộp theo biên lai số AA/2017/0042067 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Bà N đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P.8, Q.10;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Thúy